

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,007,447,492,779	3,089,130,177,364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64,591,006,452	9,933,761,943
1. Tiền	111		64,591,006,452	9,933,761,943
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		684,201,008,141	802,451,008,141
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3,150,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	681,051,008,141	802,451,008,141
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,285,039,038,004	1,468,397,002,292
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	808,810,373,427	989,658,842,138
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	89,306,967,914	45,623,496,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	306,250,000,000	365,659,791,129
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	82,817,404,789	68,956,867,813
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,145,708,126)	(1,501,995,688)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		948,338,097,150	767,866,896,418
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,007,775,487,072	810,305,892,867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(59,437,389,922)	(42,438,996,449)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,278,343,032	40,481,508,570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	626,134,588	325,044,134
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23,094,499,854	39,415,618,724
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,557,708,590	740,845,712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		923,382,269,616	975,873,034,424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,443,185,812	3,249,309,513
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	2,239,724,187	2,045,847,888
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,203,461,625	1,203,461,625
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		331,290,792,051	355,348,677,175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	276,493,852,683	300,348,559,643
<i>Nguyên giá</i>	222		777,326,795,277	742,797,809,110
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(500,832,942,594)	(442,449,249,467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	54,796,939,368	55,000,117,532
<i>Nguyên giá</i>	228		57,150,167,140	57,050,010,140
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,353,227,772)	(2,049,892,608)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		65,169,730,576	64,123,112,243
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	65,169,730,576	64,123,112,243
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		483,690,660,414	508,797,201,824
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	549,104,611,404	549,862,533,184
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1,297,729,978	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(66,711,680,968)	(41,065,331,360)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39,787,900,763	44,354,733,669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	39,787,900,763	44,354,733,669
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,930,829,762,395	4,065,003,211,788

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,986,447,045,006	2,194,831,356,801
I. Nợ ngắn hạn	310		1,986,447,045,006	2,194,831,356,801
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	150,805,352,415	146,830,874,325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	16,301,218,820	8,259,277,553
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15,962,833,688	9,738,897,906
4. Phải trả người lao động	314	V.16	64,849,455,888	57,175,206,875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	10,052,676,807	6,905,020,932
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	311,976,427,996	97,929,180,254
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1,317,895,638,866	1,767,545,055,412
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	43,100,000,000	43,100,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	55,503,440,526	57,347,843,544
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,944,382,717,389		1,870,171,854,987	
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,944,382,717,389		1,870,171,854,987	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	924,039,430,000		924,039,430,000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924,039,430,000		924,039,430,000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-		-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	216,409,744,645		216,409,744,645	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-		-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-		-	
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	-		-	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-		-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-		-	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-		-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-		-	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	803,933,542,744		729,722,680,342	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		617,318,737,342		729,722,680,342	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		186,614,805,402		-	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
1. Nguồn kinh phí	431		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,930,829,762,395		4,065,003,211,788	

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 11 năm 2015



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,161,455,968,514	1,444,868,310,932	3,975,923,169,411	3,514,208,401,566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,318,463,859	810,025,484	7,105,702,940	2,294,428,935
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,160,137,504,655	1,444,058,285,448	3,968,817,466,471	3,511,913,972,631
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,004,325,628,066	1,246,048,460,454	3,487,489,578,651	3,086,438,477,977
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155,811,876,589	198,009,824,994	481,327,887,820	425,475,494,654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	65,345,288,750	452,202,215,340	146,164,095,362	643,340,573,264
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	80,420,255,604	219,442,063,155	168,178,724,144	229,640,814,701
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,781,633,672	5,834,336,550	24,730,394,075	15,367,806,444
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	65,813,081,393	67,946,533,930	183,525,192,526	175,506,594,568
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	14,951,525,151	13,383,259,104	51,214,266,266	37,386,067,825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59,972,303,191	349,440,184,145	224,573,800,246	626,282,590,824
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3,299,880,434	611,359,834	7,656,796,242	1,496,420,685
12. Chi phí khác	32	VI.9	3,436,331,172	23,847,719,043	5,405,959,769	27,533,321,821
13. Lợi nhuận khác	40		(136,450,738)	(23,236,359,209)	2,250,836,473	(26,036,901,136)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59,835,852,453	326,203,824,936	226,824,636,719	600,245,689,688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	12,322,817,981	73,841,908,789	40,209,831,317	95,189,951,607
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		226,824,636,719	600,245,689,688
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	65,472,407,423	65,589,654,707
- Các khoản dự phòng	03	V.2b; V.7, V.8	43,288,455,519	(20,919,098,721)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	13,707,309,543	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, VI.9	(62,127,072,863)	(188,527,191,305)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	24,730,394,075	15,367,806,444
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		311,896,130,416	471,756,860,813
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		205,135,751,318	(384,559,635,649)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(197,469,594,205)	172,951,678,261
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		250,020,831,121	(205,984,060,487)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,561,467,234	1,432,941,955
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3,150,000,000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(24,730,394,075)	(15,367,806,444)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(33,576,256,837)	(34,885,255,270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		63,489,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(21,907,892,018)	(11,956,717,045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		490,843,531,954	(6,611,993,866)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11, V.12, VI	(43,432,115,761)	(37,640,994,515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	5,616,182,066	442,615,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(380,450,000,000)	(1,013,685,134,498)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		561,259,791,129	374,198,893,271
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7,893,611,404)	(316,695,321,467)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,029,550,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được ch	27	V.6a, VI.4	15,851,085,489	187,470,908,381
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		159,980,881,519	(805,909,033,828)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	5,377,765,898,494	3,284,217,704,527
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(5,881,565,406,383)	(2,404,648,455,423)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(92,367,661,075)	(90,309,244,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(596,167,168,964)	789,260,004,604
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		54,657,244,509	(23,260,993,090)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9,933,761,943	46,397,315,140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi n	61	VI.4	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64,591,006,452	23,136,322,050

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3%	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Chưa hoạt động	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Ấp Mùa Xuân, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Chưa hoạt động	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	85%	85%	85%
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100%	100%	100%
Công ty Octogone Holdings Pte Ltd	No.3 Raffles Place #06-01 Bharat Buiiding, Singapore 048617	Mua bán, xuất nhập khẩu thủy hải sản	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 06

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 04 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.386.421.379	4.149.700.672
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.204.585.073	5.784.061.271
Cộng	64.591.006.452	9.933.761.943

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 500.800.000.000 VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty con	549.104.611.404	(66.711.680.968)	482.392.930.436	549.862.533.184	(41.065.331.360)	508.797.201.824
Công ty cổ phần Vĩnh	-	-	-	8.651.533.184	-	8.651.533.184

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱ⁾						
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱ⁾	99.300.000.000	(48.598.716.828)	50.701.283.172	99.300.000.000	(32.828.919.331)	66.471.080.669
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	311.000.000	-	311.000.000	311.000.000	-	311.000.000
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang ^(iv)	155.000.000	-	155.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)	85.000.000.000	(18.112.964.140)	66.887.035.860	85.000.000.000	(8.236.412.029)	76.763.587.971
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(vi)	359.982.611.404	-	359.982.611.404	356.600.000.000	-	356.600.000.000
Octogone Holdings Pte Ltd ^(vii)	4.356.000.000	-	4.356.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.297.729.978	-	1.297.729.978	-	-	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱ⁾	1.297.729.978	-	1.297.729.978	-	-	-
Cộng	550.402.341.382	(66.711.680.968)	483.690.660.414	549.862.533.184	(41.065.331.360)	508.797.201.824

(i) Trong năm Công ty đã bán 85% khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vĩnh Hoàn Hậu Giang là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 155.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang là 29.845.000.000 VND.

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200667963 ngày 06 tháng 2 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang là 359.982.611.404 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã mua 240.000 cổ phiếu của Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 3.382.611.404 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 25.542.396 cổ phiếu, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.
- (vii) Năm 2015 Công ty đã thành lập Công ty Octogone Holdings Pte Ltd tại Singapore theo giấy xác nhận thành lập số 201506810H ngày 17 tháng 03 năm 2015 do Cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế toán (ACRA) cấp. Vốn góp của công ty vào công ty Octogone Holdings Pte Ltd là 700.000 (bảy trăm nghìn) đô la Mỹ tương đương 14.980.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 4.356.000.000 VND.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 3/2015.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Cam kết góp vốn

Năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	(41.065.331.360)
Trích lập dự phòng bổ sung	(25.646.349.608)
Số cuối kỳ	(66.711.680.968)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Mua hàng hóa	1.638.458.000	28.170.254.971
Cung cấp dịch vụ	505.663.638	27.218.524.709
Mua tài sản	-	841.904.000
Bán hàng hóa	-	87.736.654.515
Bán tài sản	-	392.615.000
Nhận ủy thác xuất khẩu	18.455.854.404	257.289.606.758
Cho vay	-	180.100.000.000
Phải thu lãi cho vay	3.581.892.320	3.427.933.001
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang		
Góp vốn	155.000.000	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5		
Cho vay	71.050.000.000	202.200.000.000
Bán tài sản	3.000.000.000	-
Cho mượn tiền	-	1.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	9.675.597.222	3.208.333.333
Cung cấp dịch vụ	617.757.772	90.000.000
Bán thành phẩm	3.298.710.000	-
Bán nguyên vật liệu, phụ phẩm	4.988.713.350	-
Mua thành phẩm	4.047.615.000	-
Phí dịch vụ	14.096.961.262	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Cung cấp dịch vụ	35.948.568.895	18.129.300.901
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	206.553.135.085	32.575.266.425
Bán thành phẩm	77.410.785.550	-
Bán tài sản	2.616.182.066	-
Giao ủy thác xuất khẩu	77.394.969.750	-
Cho vay	129.400.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	1.575.613.000	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	779.365.784.315	534.978.663.557
Phí dịch vụ	997.306.211	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	33.857.644.555	59.786.918.629
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	8.678.552.579	43.687.505.199
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	-	3.935.743.333
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	-	160.220.994
Phải thu các khách hàng khác	8.678.552.579	39.591.540.872
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	800.131.820.848	945.971.336.939
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	609.503.557.203	784.646.217.906
Các khách hàng trong nước	61.889.328.303	45.196.583.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nước ngoài	128.738.935.342	116.128.535.725
Cộng	808.810.373.427	989.658.842.138

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 196.437.500.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Cá nhân có liên quan	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Trần Văn Xuồng	14.336.038.000	15.664.600.000
Công ty cổ phần Pilmico VHF	-	7.699.627.838
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.035.752.035	2.881.920.751
Các nhà cung cấp trong nước	69.435.177.879	14.877.348.311
Cộng	89.306.967.914	45.623.496.900

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	74.000.000.000	104.259.791.129
Cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay	134.950.000.000	261.400.000.000
Cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang vay	97.300.000.000	-
Cộng	306.250.000.000	365.659.791.129

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho vay vốn thời hạn vay là 30 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	15.551.047.576	-	25.975.567.969	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 - lãi cho vay phải thu	8.076.919.334	-	6.722.883.334	-
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	1.373.905.000	-	246.245.391	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	681.007.500	-	485.771.094	-
Công ty TNHH một thành viên	-	-	18.101.168.778	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	3.994.824.840			
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - lãi cho vay phải thu	861.437.000	-	-	-
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	562.953.902	-	419.499.372	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	67.266.357.213	-	42.981.299.844	-
Tạm ứng ^(*)	27.153.332.436	-	26.614.617.716	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	28.762.456.213	-	10.287.401.389	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.350.568.564	-	6.079.280.739	-
Cộng	82.817.404.789	-	68.956.867.813	-

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 23.848.703.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	(1.501.995.688)
Trích lập bổ sung	(643.712.438)
Số cuối kỳ	(2.145.708.126)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	54.869.592.541	(5.230.827.501)	55.703.886.927	(7.269.631.066)
Công cụ, dụng cụ	1.944.701.439	-	1.710.482.886	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	469.435.727.048	-	501.354.819.593	-
Thành phẩm	481.450.558.328	(54.206.562.421)	227.825.768.612	(35.169.365.383)
Hàng hóa	74.907.716	-	23.710.934.849	-
Cộng	1.007.775.487.072	(59.437.389.922)	810.305.892.867	(42.438.996.449)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số hàng hóa trong kho có giá trị là 196.437.500.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(42.438.996.449)
Trích lập dự phòng bổ sung	(16.998.393.473)
Số cuối kỳ	<u>(59.437.389.922)</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	39.787.900.763	44.354.733.669
Cộng	<u>39.787.900.763</u>	<u>44.354.733.669</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	320.095.979.358	404.409.468.282	16.850.414.960	1.441.946.510	742.797.809.110
Mua trong kỳ	47.511.364	23.381.587.200	4.743.410.909	1.317.095.291	29.489.604.764
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.216.087.725	3.499.775.251	-	-	14.715.862.976
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.466.986.044)	-	(209.495.529)	(9.676.481.573)
Số cuối kỳ	<u>331.359.578.447</u>	<u>421.823.844.689</u>	<u>21.593.825.869</u>	<u>2.549.546.272</u>	<u>777.326.795.277</u>

Trong đó:

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	117.894.859.611	314.787.048.914	8.588.336.848	1.179.004.094	442.449.249.467
Khấu hao trong kỳ	25.980.069.282	36.734.823.043	2.210.023.121	244.156.813	65.169.072.259
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.575.883.603)	-	(209.495.529)	(6.785.379.132)
Số cuối kỳ	<u>143.874.928.893</u>	<u>344.945.988.354</u>	<u>10.798.359.969</u>	<u>1.213.665.378</u>	<u>500.832.942.594</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	202.201.119.747	89.622.419.368	8.262.078.112	262.942.416	300.348.559.643
Số cuối kỳ	<u>187.484.649.554</u>	<u>76.877.856.335</u>	<u>10.795.465.900</u>	<u>1.335.880.894</u>	<u>276.493.852.683</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thanh lý	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
----------	-----------------------------------	--------------------------------	--	--------------------------------------	-------------

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 37.204.925.527 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	56.208.060.350	841.949.790	57.050.010.140
Mua trong kỳ	-	100.157.000	100.157.000
Số cuối kỳ	56.208.060.350	942.106.790	57.150.167.140
<i>Trong đó:</i>			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.417.490.816	632.401.792	2.049.892.608
Khấu hao trong kỳ	243.053.614	60.281.550	303.335.164
Số cuối kỳ	1.660.544.430	692.683.342	2.353.227.772
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	54.790.569.534	209.547.998	55.000.117.532
Số cuối kỳ	54.547.515.920	249.423.448	54.796.939.368
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.855.786.332 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	61.219.348.062	12.557.351.106	(18.124.375.266)	(19.767.451)	55.632.556.451
XDCB dở dang	2.903.764.181	22.350.896.338	(14.715.862.976)	(1.001.623.418)	9.537.174.125
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>128.893.097</i>	<i>17.486.773.494</i>	<i>(11.724.553.180)</i>	<i>(866.765.236)</i>	<i>5.024.348.175</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	<i>2.774.871.084</i>	<i>4.864.122.844</i>	<i>(2.991.309.796)</i>	<i>(134.858.182)</i>	<i>4.512.825.950</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Cộng	<u>64.123.112.243</u>	<u>34.908.247.444</u>	<u>(32.840.238.242)</u>	<u>(1.021.390.869)</u>	<u>65.169.730.576</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>5.108.126.474</u>	<u>276.588</u>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	4.607.284.474	-
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	500.842.000	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	-	276.588
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>145.697.225.941</u>	<u>146.830.597.737</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.859.181.538	2.023.483.856
Các nhà cung cấp trong nước	142.838.044.403	144.807.113.881
Cộng	<u>150.805.352.415</u>	<u>146.830.874.325</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng trong nước	10.678.596.884	5.597.524.505
Các khách hàng nước ngoài	5.622.621.936	2.661.753.048
Cộng	<u>16.301.218.820</u>	<u>8.259.277.553</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(54.390.214)	599.667.660	(86.916.640)	458.360.806	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(686.455.498)	1.482.819.001	(2.354.072.093)	-	(1.557.708.590)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.366.696.222	-	40.209.831.317	(33.576.256.837)	15.000.270.702	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.372.201.684	-	6.539.208.141	(7.407.207.645)	504.202.180	-
Tiền thuê đất	-	-	2.069.383.173	(2.069.383.173)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	334.252.918	(334.252.918)	-	-
Cộng	<u>9.738.897.906</u>	<u>(740.845.712)</u>	<u>51.235.162.210</u>	<u>(45.828.089.306)</u>	<u>15.962.833.688</u>	<u>(1.557.708.590)</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy hải sản với thuế suất 15%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn lại phải trả công nhân viên.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ phải trả.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	289.341.473.818	61.746.867.382
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	289.341.473.818	52.143.664.972
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	9.603.202.410
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	22.634.954.178	36.182.312.872
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	89.235.750	52.953.825
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.545.718.428	36.129.359.047
Cộng	311.976.427.996	97.929.180.254

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽¹⁾	168.961.124.795	168.961.124.795	79.595.934.429	79.595.934.429
Ngân hàng thương mại	990.119.113.098	990.919.113.098	1.528.475.299.894	1.528.475.299.894

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾				
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	158.815.400.973	158.815.400.973	159.473.821.089	159.473.821.089
Cộng	1.317.895.638.866	1.317.895.638.866	1.767.545.055.412	1.767.545.055.412

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định tại phân xưởng bột, mỡ cá (xem thuyết minh V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2 (xem thuyết minh V.2a, V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	1.767.545.055.412
Số tiền vay phát sinh	5.377.765.898.494
Số tiền vay đã trả	(5.881.565.406.383)
chênh lệch tỷ giá	54.150.091.343
Số cuối kỳ	1.317.895.638.866

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận			Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Tăng khác	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	56.492.605.526	20.000.000.000	-	(21.052.654.000)	55.439.951.526
Quỹ phúc lợi	855.238.018	-	63.489.000	(855.238.018)	63.489.000
Cộng	57.347.843.544	20.000.000.000	63.489.000	(21.907.892.018)	55.503.440.526

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812
huận kỳ trước	-	-	-	252.693.821.934	252.693.821.934
Chia cổ tức				(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích các quỹ	-	-	-	(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Số dư cuối kỳ trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	718.148.123.601	1.485.792.038.246
Số dư đầu năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	186.614.805.402	186.614.805.402
Chia cổ tức				(92.403.943.000)	(92.403.943.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	924.039.430.000	216.409.744.645	-	803.933.542.744	1.944.382.717.389

22a. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22b. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi 20.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08 tháng 5 năm 2015.

Ngoài ra Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền là 92.403.943.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2015 ngày 16 tháng 6 năm 2015.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	2.660.732,6	229.294,01
Euro (EUR)	384,37	422,66
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	3.436	3.436

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	352.902.683.752	521.707.799.106
Doanh thu bán thành phẩm	2.913.332.129.556	2.473.207.172.028
Doanh thu bán nguyên vật liệu	90.162.931.164	5.258.617.200
Doanh thu bán phụ phẩm	581.140.037.848	467.793.305.737
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.385.387.091	46.241.507.495
Cộng	3.975.923.169.411	3.514.208.401.566

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công ty chỉ phát sinh việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức số tiền là 1.099.065.968 VND .

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	(6.774.582.739)	(2.205.600.484)
Giảm giá hàng bán	(331.120.201)	(88.828.451)
Cộng	(7.105.702.940)	(2.294.428.935)

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	335.066.900.304	500.485.245.791
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.442.941.113.901	2.182.142.453.834
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	88.506.177.131	5.858.470.659
Giá vốn của phụ phẩm đã bán	603.976.993.842	414.028.465.108
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.998.393.473	(16.076.157.415)
Cộng	3.487.489.578.651	3.086.438.477.977

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	38.338.152.047	7.365.142
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	126.995.201	117.840.663
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	192.350.120.000
Lãi tiền cho vay	15.026.978.841	11.406.710.496

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	4.361.115.556	2.675.290.269
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.635.106.923	16.690.054.926
Lãi thanh lý công ty con	1.675.746.794	-
Doanh thu chuyển nhượng cổ phần	-	420.093.191.768
Cộng	146.164.095.362	643.340.573.264
5. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.730.394.075	15.367.806.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.707.309.543	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	104.094.670.918	9.115.949.563
Giảm giá đầu tư vào công ty con	-	210.000.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	25.646.349.608	(4.842.941.306)
Cộng	168.178.724.144	229.640.814.701
6. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.054.483.313	6.119.444.182
Chi phí dụng cụ đồ dùng	105.185.635	41.724.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	113.594.947	114.114.303
Chi phí cước vận chuyển	106.244.223.980	111.028.788.707
Chi phí khác	67.007.704.651	58.202.522.576
Cộng	183.525.192.526	175.506.594.568
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.205.541.056	15.949.899.326
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.808.696.233	1.537.093.102
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.270.627.526	5.721.524.510
Thuế, phí và lệ phí	334.212.918	2.128.630.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.380.007	98.000.000
Chi phí bằng tiền khác	17.457.808.526	11.950.920.034
Cộng	51.214.266.266	37.386.067.825
8. Thu nhập khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.616.182.066	442.615.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản nợ không phải trả	192.254.376	39.416.871
Thu nhập khác	1.848.359.800	1.014.388.814
Cộng	7.656.796.242	1.496.420.685

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.891.102.441	392.615.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	21.072.211	48.183.884
Chi phí chuyển nhượng Cty TATS Vĩnh Hoàn 1	-	15.996.396.325
Chi phí khác	2.493.785.117	11.096.126.612
Cộng	5.405.959.769	27.533.321.821

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Giám đốc bộ phận, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có phát sinh giao dịch nào khác ngoài mua nguyên vật liệu của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 29.279.388.810 VND

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất
khẩu Vạn Đức Tiền Giang
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty do người có liên quan với
Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia
góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác.

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn có phát sinh giao dịch như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Năm nay

Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức

Mua hàng hóa, dịch vụ
Ủy thác xuất khẩu
Nhận ủy thác xuất khẩu

565.995.064
681.007.500
832.104.900

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc